

Số: 240/TM-TTYT
Về việc mời cung cấp báo
giá dịch vụ thẩm định

Văn Chấn, ngày 15 tháng 04 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH ngày 29/11/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuê dịch vụ thẩm định giá gói thầu: “Mua sắm trang phục y tế, quần áo bảo hộ, đồ vải săng nhà mổ phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện Văn Chấn năm 2025” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Bà: Trần Thị Phụng - số điện thoại: 0979.892.638

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn Thư TTYT huyện Văn Chấn, Tổ dân phố 9, thị trấn Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái

- Nhận qua email: vanthuytvc@gmail.com bản Scan có dấu đỏ của nhà cung cấp

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 15 tháng 04 năm 2025 đến trước 14h00 ngày 18 tháng 04 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

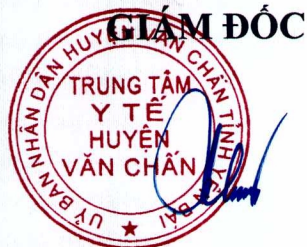
1. Dịch vụ thẩm định giá

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của các Nhà cung cấp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



Nguyễn Đình Liên

DANH MỤC ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 240 /TM-TTYT ngày 15 tháng 04 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Trang phục của bác sĩ	Chất liệu: Vải Oxfore (kate fore) Thành phần (35.7% ± 1) cotton (bông) 64,3% polyester. Kiểu dệt Vân điểm. Mật độ: sợi dọc (sợi/10cm): 284, sợi ngang (sợi/10cm): 250 Khối lượng thực tế: (g/m²): 153, chỉ số sợi tách tách từ vải: Dọc (Ne): 46,1/2, Ngang (Ne): 45,1/2. Độ bền màu giặt A (1); 40 (0c) (cấp): 4-5. 1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	Bộ	54
2	Trang phục của điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sỹ	Chất liệu: Vải Oxfore (kate fore) Thành phần (35.7% ± 1) cotton (bông) 64,3% polyester. Kiểu dệt Vân điểm. Mật độ: sợi dọc (sợi/10cm): 284, sợi ngang (sợi/10cm): 250 Khối lượng thực tế: (g/m²): 153, chỉ số sợi tách tách từ vải: Dọc (Ne): 46,1/2, Ngang (Ne): 45,1/2. Độ bền màu giặt A (1); 40 (0c) (cấp): 4-5. 1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: - Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	Bộ	144

3	Trang phục của kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Chất liệu: Vải Oxfore (kate fore) Thành phần (35.7% ± 1) cotton (bông) 64,3% polyester. Kiểu dệt Vân điểm. Mật độ: sợi dọc (sợi/10cm): 284, sợi ngang (sợi/10cm): 250 Khối lượng thực tế: (g/m²): 153, chỉ số sợi tách tách từ vải: Dọc (Ne): 46,1/2, Ngang (Ne): 45,1/2. Độ bền màu giặt A (1); 40 (0c) (cấp): 4-5. 1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	Bộ	10
4	Trang phục của dược sĩ	Chất liệu: Vải Oxfore (kate fore) Thành phần (35.7% ± 1) cotton (bông) 64,3% polyester. Kiểu dệt Vân điểm. Mật độ: sợi dọc (sợi/10cm): 284, sợi ngang (sợi/10cm): 250 Khối lượng thực tế: (g/m²): 153, chỉ số sợi tách tách từ vải: Dọc (Ne): 46,1/2, Ngang (Ne): 45,1/2. Độ bền màu giặt A (1); 40 (0c) (cấp): 4-5. 1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ:	Bộ	27

5	Trang phục của hộ lý, y công, nhân viên giặt là	Chất liệu: Vải Oxfore (kate fore) Thành phần (35.7% ± 1) cotton (bông) 64,3% polyester. Kiểu dệt Vân điểm. Mật độ: sợi dọc (sợi/10cm): 284, sợi ngang (sợi/10cm): 250 Khối lượng thực tế: (g/m²): 153, chỉ số sợi tách tách từ vải: Dọc (Ne): 46,1/2, Ngang (Ne): 45,1/2. Độ bền màu giặt A (1); 40 (0c) (cấp): 4-5. 1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	Bộ	3
6	Trang phục của nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân	Áo bằng vải thô Hàn Quốc, quần bằng vải sọc 1. Áo: a) Màu sắc: Màu sáng; b) Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. Đối với nhân viên nữ, khuyến khích mặc trang phục áo dài truyền thống. 2. Quần đối với nam; quần hoặc chân váy đối với nữ: a) Màu sắc: Màu sẫm; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối.	Bộ	30
7	Trang phục của nhân viên bảo vệ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu ghi hoặc màu xanh cô ban sẫm hoặc màu xanh đen; b) Kiểu dáng: Áo cổ đức, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: Cùng màu với màu áo; b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. 3. Áo khoác: a) Màu sắc: Màu ghi hoặc màu sẫm; b) Kiểu dáng: Áo khoác cổ chữ K, cài cúc giữa, phía trước có 2 túi cơi chéo có nắp túi, 4 cúc, có nẹp cầu vai, có khuy cài biển tên trên ngực trái. 4. Mũ kiểu kê pi cùng màu với áo.	Bộ	4



8	Trang phục của kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. 3. Áo khoác: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Kiểu dáng: Áo khoác cổ chữ K, cài cúc giữa, phía trước có 2 túi cơi chéo có nắp túi, 4 cúc, có nẹp cầu vai, có khuy cài biển tên trên ngực trái.	Bộ	4
9	Trang phục của người bệnh	1. Trang phục bao gồm: Gồm quần, áo; in logo đơn vị và tên bên ngực trái. Màu sắc: Màu xanh; Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 May theo số đo size thông dụng - Chất liệu: Vải Kate Silk (Lon Mỹ) Kiểu dệt: ISO 8388:1998 ; Vân điểm. Độ nhỏ tách từ sợi vải Dọc (Ne). ISO 7211-5:2020; 75,8/2; Độ nhỏ tách sợi tách từ vải Ngang (Ne) ISO 7211-5: 2020; 138; 3. Mật độ: (Sợi /10cm) theo ISO 7211-2: 1984; 372 Mật độ Ngang (Sợi /10cm) theo ISO 7211-2: 1984; 304 4. Khối lượng thực tế (g/m²). ISO 3801: 1977; 116 5. Thành phần nguyên liệu (%); theo ISO/TR 11827:2012; ISO 1833-1:2020; ISO 1833-11:2017 Thành phần: Polyester: (80,6); Rayon (19,4). 6. Độ bền màu giặt A (1); 40 (0c) (cấp). Thay đổi màu: Dây màu: - Diacetat ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Bông; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Polyamid ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Polyeste; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Acrylic ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Len; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Đóng gói theo tiêu chuẩn quy định. - Bảo hành theo tiêu chuẩn hiện hành	Bộ	50

10	Trang phục của người bệnh (từ 5 đến 10 tuổi)	1. Trang phục bao gồm: Gồm quần, áo; in logo đơn vị và tên bên ngực trái. Màu sắc: Màu xanh; Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 May theo số đo size thông dụng Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 May theo số đo từng người - Chất liệu: Vải Kate Silk (Lon Mỹ) Kiểu dệt: ISO 8388:1998 ; Vân điểm. Độ nhỏ tách từ sợi vải Dọc (Ne). ISO 7211-5:2020; 75,8/2; Độ nhỏ tách sợi tách từ vải Ngang (Ne) ISO 7211-5: 2020; 138; 3. Mật độ: (Sợi /10cm) theo ISO 7211-2: 1984; 372 Mật độ Ngang (Sợi /10cm) theo ISO 7211-2: 1984; 304 4. Khối lượng thực tế (g/m²). ISO 3801: 1977; 116 5. Thành phần nguyên liệu (%); theo ISO/TR 11827:2012; ISO 1833-1:2020; ISO 1833-11:2017 Thành phần: Polyester: (80,6); Rayon (19,4). 6. Độ bền màu giặt A (1); 40 (0c) (cấp). Thay đổi màu: Dây màu: - Diacetat ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Bông; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Polyamid ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Polyester; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Acrylic ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Len; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Đóng gói theo tiêu chuẩn quy định. - Bảo hành theo tiêu chuẩn hiện hành	Bộ	10
----	--	---	----	----

11	Trang phục của sản phụ	1. Trang phục bao gồm: Gồm quần, áo; in logo đơn vị và tên bên ngực trái. Màu sắc: Màu xanh; Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 May theo số đo size thông dụng - Chất liệu: Vải Kate Silk (Lon Mỹ) Kiểu dệt: ISO 8388:1998 ; Vân điểm. Độ nhỏ tách từ sợi vải Dọc (Ne). ISO 7211-5:2020; 75,8/2; Độ nhỏ tách sợi tách từ vải Ngang (Ne) ISO 7211-5: 2020; 138; 3. Mật độ: (Sợi /10cm) theo ISO 7211-2: 1984; 372 Mật độ Ngang (Sợi /10cm) theo ISO 7211-2: 1984; 304 4. Khối lượng thực tế (g/m²). ISO 3801: 1977; 116 5. Thành phần nguyên liệu (%); theo ISO/TR 11827:2012; ISO 1833-1:2020; ISO 1833-11:2017 Thành phần: Polyester: (80,6); Rayon (19,4). 6. Độ bền màu giặt A (1); 40 (0c) (cấp). Thay đổi màu: Dây màu: - Diacetat ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Bông; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Polyamid ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Polyeste; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Acrylic ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Len; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Đóng gói theo tiêu chuẩn quy định. - Bảo hành theo tiêu chuẩn hiện hành	Bộ	25
----	------------------------	--	----	----

12	Trang phục dành riêng khi làm việc trong phòng mổ (áp choàng)	1. Trang phục bao gồm: Áo choàng tay chun buộc dây sau - Màu sắc: Màu xanh - Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 - In logo bên ngược trái. 2. Chất liệu vải: Vải kaki. - Kiểu dệt: Theo ISO 8388:1998; Vân chéo 3/1. - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Dọc (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 21,3/1; Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Ngang (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 9,9/1; 3. Khối lượng thực tế (g/m^2); Theo ISO 3801:1977; 295; 4. Mật độ: Dọc (sợi /10cm); ISO 7211-2:1984; 440; Mật độ ngang (sợi /10cm), ISO 7211-2:1984; 232; 5. Thành phần nguyên liệu : ISO/TR 11827:2012; 100% bông. 6. Độ bền màu giặt A(1); 40 0C (Cấp) Thay đổi màu Dây màu: Diacetat ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Bông; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Polyamit ; ISO 105-C10:2006 ; 4 Polyeste; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Acrylic ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Len; ISO 105-C10:2006 ; 4-5	Bộ	60
13	Trang phục người bệnh chụp X-quang	1. Trang phục bao gồm: Áo, Quần, Mũ - Màu sắc: Màu trắng; - Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 - In logo và tên "Bệnh viện Sản - Nhi" bên tay áo trái sát dưới vai. 2. Chất liệu vải: Vải kaki. - Kiểu dệt: Theo ISO 8388:1998; Vân chéo 3/1. - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Dọc (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 21,3/1; Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Ngang (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 9,9/1; 3. Khối lượng thực tế (g/m^2); Theo ISO 3801:1977; 295; 4. Mật độ: Dọc (sợi /10cm); ISO 7211-2:1984; 440; Mật độ ngang (sợi /10cm), ISO 7211-2:1984; 232; 5. Thành phần nguyên liệu : ISO/TR 11827:2012; 100% bông. 6. Độ bền màu giặt A(1); 40 0C (Cấp) Thay đổi màu Dây màu: Diacetat ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Bông; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Polyamit ; ISO 105-C10:2006 ; 4 Polyeste; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Acrylic ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Len; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Chất liệu: Vải Kate Silk (Lon Mỹ)		10

14	Trang phục của bệnh nhân hậu phẫu	1. Trang phục bao gồm: Áo, Quần - Màu sắc: Màu xanh; - Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 - In logo bên ngực trái 2. Chất liệu vải: Vải kaki. - Kiểu dệt: Theo ISO 8388:1998; Vân chéo 3/1. - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Dọc (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 21,3/1; Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Ngang (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 9,9/1; 3. Khối lượng thực tế (g/m^2); Theo ISO 3801:1977; 295; 4. Mật độ: Dọc (sợi /10cm); ISO 7211-2:1984; 440; Mật độ ngang (sợi /10cm), ISO 7211-2:1984; 232; 5. Thành phần nguyên liệu : ISO/TR 11827:2012; 100% bông. 6. Độ bền màu giặt A(1); 40 0C (Cấp) Thay đổi màu Dây màu: Diacetat ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Bông; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Polyamid ; ISO 105-C10:2006 ; 4 Polyeste; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Acrylic ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Len; ISO 105-C10:2006 ; 4-5		20
15	Quần + Áo nhà mổ	1. Trang phục bao gồm: Gồm quần, áo; in logo đơn vị và tên bên ngực trái. Màu sắc: Màu xanh; Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 May theo số đo size thông dụng - Chất liệu: Vải Kate Silk (Lon Mỹ) Kiểu dệt: ISO 8388:1998 ; Vân điểm. Độ nhỏ tách từ sợi vải Dọc (Ne). ISO 7211-5:2020; 75,8/2; Độ nhỏ tách sợi tách từ vải Ngang (Ne) ISO 7211-5:2020; 138; 3. Mật độ: (Sợi /10cm) theo ISO 7211-2: 1984; 372 Mật độ Ngang (Sợi /10cm) theo ISO 7211-2: 1984; 304 4. Khối lượng thực tế (g/m^2). ISO 3801: 1977; 116 5. Thành phần nguyên liệu (%); theo ISO/TR 11827:2012; ISO 1833-1:2020; ISO 1833-11:2017 Thành phần: Polyester: (80,6); Rayon (19,4). 6. Độ bền màu giặt A (1); 40 (0c) (cấp). Thay đổi màu: Dây màu: - Diacetat ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Bông; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Polyamid ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Polyeste; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Acrylic ISO 105-C10:2006 ; 4-5 - Len; ISO 105-C10:2006 ; 4-5	Bộ	40

16	Săng vải (loại 1)	1. Màu sắc: Màu xanh - May viền xung quanh kích cỡ theo tiêu chuẩn ứng dụng theo yêu cầu 2. Chất liệu vải: Vải kaki. - Kiểu dệt: Theo ISO 8388:1998; Vân chéo 3/1. - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Dọc (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 21,3/1; Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Ngang (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 9,9/1; 3. Khối lượng thực tế (g/m²) ;Theo ISO 3801:1977; 295; 4. Mật độ: Dọc (sợi /10cm); ISO 7211-2:1984; 440; Mật độ ngang (sợi /10cm), ISO 7211-2:1984; 232; 5. Thành phần nguyên liệu : ISO/TR 11827:2012; 100% bông. 6. Độ bền màu giặt A(1); 40 0C (Cấp) Thay đổi màu Dây màu: Diacetat ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Bông; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Polyamit ; ISO 105-C10:2006 ; 4 Polyeste; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Acrylic ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Len; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Kích thước: 1,5 x 1,5 (m)	Bộ	80
17	Săng vải (loại 2)	1. Màu sắc: Màu xanh - May viền xung quanh kích cỡ theo tiêu chuẩn ứng dụng theo yêu cầu 2. Chất liệu vải: Vải kaki. - Kiểu dệt: Theo ISO 8388:1998; Vân chéo 3/1. - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Dọc (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 21,3/1; Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Ngang (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 9,9/1; 3. Khối lượng thực tế (g/m²) ;Theo ISO 3801:1977; 295; 4. Mật độ: Dọc (sợi /10cm); ISO 7211-2:1984; 440; Mật độ ngang (sợi /10cm), ISO 7211-2:1984; 232; 5. Thành phần nguyên liệu : ISO/TR 11827:2012; 100% bông. 6. Độ bền màu giặt A(1); 40 0C (Cấp) Thay đổi màu Dây màu: Diacetat ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Bông; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Polyamit ; ISO 105-C10:2006 ; 4 Polyeste; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Acrylic ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Len; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Kích thước 1,5 x 2,2 (m)	Bộ	50

18	Săng vải (loại 3)	1. Màu sắc: Màu xanh - May viền xung quanh kích cỡ theo tiêu chuẩn ứng dụng theo yêu cầu 2. Chất liệu vải: Vải kaki. - Kiểu dệt: Theo ISO 8388:1998; Vân chéo 3/1. - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Dọc (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 21,3/1; Độ nhỏ sợi tách ra từ vải; Ngang (Ne) theo ISO 7211-5:2020; 9,9/1; 3. Khối lượng thực tế (g/m²) ;Theo ISO 3801:1977; 295; 4. Mật độ: Dọc (sợi /10cm); ISO 7211-2:1984; 440; Mật độ ngang (sợi /10cm), ISO 7211-2:1984; 232; 5. Thành phần nguyên liệu : ISO/TR 11827:2012; 100% bông. 6. Độ bền màu giặt A(1); 40 0C (Cấp) Thay đổi màu Dây màu: Diacetat ; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Bông; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Polyamit ; ISO 105-C10:2006 ; 4 Polyeste; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Acrylic ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Len; ISO 105-C10:2006 ; 4-5 Kích thước: 1,5 x 2 (m) Có lỗ kích thước: 8 x 15 (cm)	Bộ	50
----	----------------------	---	----	----